

Bản án số: 125 /2022/HSST  
Ngày: 24/6/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN A, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Nga

*Các Hội thẩm nhân dân*

- 1) Ông Bùi Văn Bình
- 2) Bà Nguyễn Thị Cúc

- **Thư ký phiên Tòa:** Bà Nguyễn Minh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận A, Thành phố H.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận A-Thành phố H tham gia phiên tòa:**  
Ông Dương Bá Thành Luân – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận A, Thành phố H, đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 31/2022/HSST, ngày 17 tháng 3 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo: Họ và tên: N.T.K, sinh năm 1990. HKTT và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh NH. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 9/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông N.V.M (đã chết) . Con bà L.T.Đ sinh năm 1959. Vợ: N.T.Q sinh năm 1986 (đã ly hôn). Gia đình có bốn anh chị em, bị cáo là con thứ ba. Có 02 con, lớn sinh năm 2010 nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 000000049 lập ngày 31/12/2021 tại Công an quận A và lý lịch bị can thể hiện bị cáo có 02 tiền án:

- Ngày 26/02/2019, Tòa án nhân dân quận HK, TP. H xử 08 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Bản án số 31/2019. Ra trại ngày 17/8/2019. Chấp hành xong án phí ngày 26/02/2019. Án tích chưa được xóa.

- Ngày 26/11/2021, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh QN xử phạt 27 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Bản án số 136/2021. Hành vi phạm tội thực hiện ngày 16/02/2021. Quyết định khởi tố vụ án ngày 23/8/2021. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam ngày 04/9/2021.

Bị cáo N.T.K hiện đang chấp hành án Bản án số 136/2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh QN. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*Người bị hại:* Chi N.H.Y sinh năm 1989

Trú tại: Số 12 hẻm 94/83/3 phố T, Tổ 3 phường TT, quận A, Thành phố H. (Có đơn xin xử vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án

được tóm tắt như sau: Ngày 27/6/2021 tại quán nước thuộc khu chung cư H, phường TT, quận A, Thành phố H, chị N.H.Y gặp N.T.K đến uống nước. Qua nói chuyện, N.T.K thấy chị Y có ý định mua vỏ container và phụ tùng rửa xe ô tô nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị Y. N.T.K nói dối với chị Y tên của mình là T, sinh năm: 1987 trú tại: Ngõ Quyền, Hải Phòng với mục đích để chị Y sau này không tìm được K và nói có vỏ container bán và nhận mua hộ máy móc rửa xe với tổng số tiền 32.650.000 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), mặc dù K không có vỏ container và không có ý định mua hộ máy móc rửa xe cho chị Y. K yêu cầu chị Y đặt cọc cho K số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), chị Y đồng ý. Ngay sau đó, chị Y đưa cho K số tiền 10.000.000 đồng để đặt cọc tiền mua vỏ container và phụ tùng rửa xe ô tô tại quán nước chung cư H. Khi chị Y giao tiền và trao đổi với K thì có bà H (là chủ quán nước bên cạnh chứng kiến). Sau khi nhận tiền K hẹn đêm ngày 28/6/2021 vỏ Container về, còn phụ tùng rửa xe về sau. Tuy nhiên, đến hẹn giao hàng, K không giao hàng như thỏa thuận, nhiều lần khất lãn, tất máy không liên lạc với chị Y nữa. Sau đó, Kiên đã bỏ trốn và chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận A đã truy tố bị cáo N.T.K phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận hành vi mà bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận A sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; trình bày lời luận tội và đề nghị như sau:

Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 và Điều 56 của Bộ luật hình sự: Xử phạt N.T.K từ 14 tháng tù đến 18 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của Bản án số 136/2021 ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh QN xử phạt 27 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản buộc bị cáo phải chấp hành từ 41 tháng tù đến 45 tháng tù

Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường trả cho chị N.H.Y 10.000.000 đồng.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận A, Thành phố H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận A, Thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo N.T.K: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thấy có đủ cơ sở kết luận:

Hành vi phạm tội lần này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 174 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật hình sự bảo vệ và gây mất trật tự trị an xã hội.

[3]. Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo có tiền án năm 2019. Tháng 02 năm 2021 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại tỉnh QN và đã bị xét xử tại bản án số 136/2021/HS-ST ngày 26/11/2021. Bản án này đã có hiệu lực pháp luật. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 của Bộ luật hình sự thì bị cáo chưa được xóa án tích. Theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự thì hành vi phạm tội lần này của bị cáo là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4]. Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập không ổn định, do vậy thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về dân sự: Chị N.H.Y yêu cầu N.T.K bồi thường số tiền 10.000.000đ cho chị. Do vậy thấy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Y số tiền này.

[6]. Các vấn đề khác: Không

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm, những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 điều 174 của Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 và Điều 48 của Bộ luật hình sự. Áp dụng các Điều 135, 299, 326, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án.

Tuyên bố bị cáo N.T.K phạm tội: “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: N.T.K 13 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp với bản án số 136/2021/HS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố M, tỉnh QN xử phạt N.T.K 27 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Buộc bị cáo K phải chấp hành hình phạt của 2 bản án là 40 (bốn mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2021.

Về dân sự: Buộc bị cáo N.T.K phải bồi thường trả cho chị N.H.Y 10.000.000 đồng.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- VKS quận A;
- Công an quận A
- TAND Thành phố H,
- VKSND TP. H;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ Công An Thành phố H;
- Thi hành án dân sự quận A
- Bộ tư pháp
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Thị Thu Nga**